

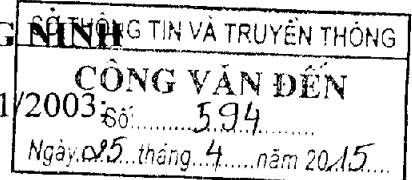
Số: 1085/QĐ-UBND

Hạ Long, ngày 21 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục và lộ trình các tuyến đường phải ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH



Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 898/2014/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của UBND tỉnh “V/v ban hành quy định quản lý, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 96/TTr-SXD ngày 13/4/2015 “V/v công bố danh mục và lộ trình các tuyến đường phải ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục và lộ trình các tuyến đường phải ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (danh mục kèm theo).

Điều 2. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ các quy định về quản lý, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm đô thị ban hành tại Quyết định số 898/2014/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của UBND tỉnh tổ chức ngầm hóa các công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi phù hợp với lộ trình được công bố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- CT, P1 UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- V0, V2, QH1, QH2, XD1, GT1
- QLĐĐ1, QLĐĐ2,
- Lưu: VT, XD4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Thông



DANH MỤC VÀ LỘ TRÌNH CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐÔ THỊ PHẢI NGÂM HÓA CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐI NỔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

(Bản hình kèm theo Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

1. Danh mục và lộ trình các tuyến đường đô thị phải ngâm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi trên địa bàn thành phố Hạ Long:

Stt	Tên tuyến đường	Chiều dài (km)	Lộ trình
1	Hạ Long	2,8	2016
2	Bãi Cháy (Hậu Cần)	3,2	2016
3	Giếng Đáy	3,1	2017
4	Trần Hưng Đạo	0,75	2015-2016
5	Trần Phú (Tỉnh lộ 337)	8	2016-2017
6	Tỉnh lộ 336	6,2	2016-2017
7	Quốc lộ 18A	6,6	2016-2017
8	Hải Phụng (Đông Bắc)	0,45	2015-2016
9	Chu Văn An	0,3	2017-2018

2. Danh mục và lộ trình các tuyến đường đô thị phải ngâm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi trên địa bàn thành phố Móng Cái:

Stt	Tên tuyến đường	Chiều dài (Km)	Lộ trình (Năm)
1	Tuệ Tĩnh (phường Ka Long)	5	2015-2020
2	Nguyễn Bình Khiêm	1,2	2015-2020
3	Nguyễn Du	1,9	2015-2020
4	Lý Tự Trọng	0,6	2015-2020
5	Hữu Nghị	1,0	2015-2020
6	Trần Phú	1,5	2015-2020
7	Vân Đồn	0,75	2015-2020
8	Tuệ Tĩnh (phường Ninh Dương)	1,2	2015-2020

3. Danh mục và lộ trình các tuyến đường đô thị phải ngâm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi trên địa bàn thành phố Cẩm Phả:

Stt	Tên tuyến đường	Chiều dài (km)	Lộ trình (Năm)
1	Trần Phú – Bà Triệu	6	2015-2016
2	Các tuyến còn lại		Từ năm 2017 trở đi

4. Danh mục và lộ trình các tuyến đường đô thị phải ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi trên địa bàn thành phố Uông Bí:

Stt	Tên tuyến đường	Chiều dài (km)	Lộ trình (Năm)
1	Các tuyến đường trục chính trung tâm		2015-2020
2	Các tuyến còn lại		2020-2030

5. Danh mục và lộ trình các tuyến đường đô thị phải ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi trên địa bàn thị xã Quảng Yên:

Stt	Tên tuyến đường	Chiều dài (km)	Lộ trình (Năm)
1	Ngô Quyền	0,8	2015
2	Lê Lợi	0,57	2015
3	Trần Hưng Đạo	1,7	2015
4	Trần Quang Khải	0,12	2015
5	Nguyễn Du	0,36	2015
6	Quang Trung	0,9	2015
7	Trần Khánh Dư	0,83	2015
8	Bạch Đằng	0,8	2016
9	Hoàng Hoa Thám	1,72	2016
10	Trần Nhân Tông	1,19	2016
11	Nguyễn Thái Học	0,48	2016
12	An Hưng	1,13	2016
13	Hồ Xuân Hương	0,18	2016
14	Trần Quốc Toản	0,18	2016
15	Lê Hoàn	1,45	2017
16	Văn Miếu	1,27	2017
17	Nguyễn Bình	1,54	2017
18	Trần Nhật Duật	0,25	2017
19	Phạm Ngũ Lão	0,51	2017
20	Đình Tiên Hoàng	0,46	2017
21	Cửa Khâu	0,71	2018
22	Xóm Bãi	0,81	2018
23	Mình Hà	0,35	2018
24	Vua Bà	0,3	2019
25	Lê Quý Đôn	0,52	2019
26	Yết Kiêu	0,55	2020
27	Tiên Môn	0,56	2020



Dã Tượng	0,37	2020
Trần Danh Tuyên	0,54	2020

6. Danh mục và lộ trình các tuyến đường đô thị phải ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi trên địa bàn huyện Vân Đồn:

Stt	Tên tuyến đường	Chiều dài (km)	Lộ trình (Năm)
1	Tỉnh lộ 334 đoạn Km0-Km 6+170	6,17	2016
2	Đường xuyên đảo Minh Châu – Quan Lạn	11,05	2016-2020
3	Lý Anh Tông	1,4	2016
4	Đông Sơn	0,3	2016-2020
5	EC	0,46	2016-2020

7. Danh mục và lộ trình các tuyến đường đô thị phải ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi trên địa bàn huyện Hoàn Kiếm:

Stt	Tên tuyến đường	Chiều dài (km)	Lộ trình (Năm)
1	Quốc lộ 279 đoạn qua nội thị thị trấn Trới	2,5	2015-2020
2	Quốc lộ 326 đoạn qua nội thị thị trấn Trới	3,5	2015-2020
3	Tuyến đường đầu nối từ đường Trới – Vũ Oai đến trung tâm huyện	1,2	2015-2020
4	Đường Trới – Lê Lợi	1,4	2015-2020
5	Đường Đồng Cao – Cầu Bang	3,4	2015-2020

8. Danh mục và lộ trình các tuyến đường đô thị phải ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi trên địa bàn huyện Hải Hà:

Stt	Tên tuyến đường	Chiều dài (km)	Lộ trình (Năm)
1	Đường trục chính (ngã tư cây xăng đến đầu cầu Hà Cối)	1,8	2015
2	Ngã tư tư cây xăng – huyện đội – rạp chiếu bóng – NVH phố My Sơn	1,7	2016
3	Ngã tư ngân hàng – ngã tư Quảng Trung	1,1	2016
4	Đường Lâm Nghiệp	1,44	2015
5	Ngã tư ngân hàng – UBND huyện – Cầu ngầm 2	0,9	2017
6	Ngã ba đường mới – Chợ TT Hải Hà	0,7	2017

9. Danh mục và lộ trình các tuyến đường đô thị phải ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi trên địa bàn huyện Ba Chẽ:

Stt	Tên tuyến đường	Chiều dài (km)	Lộ trình (Năm)
1	Đường Hải Chi đoạn tiếp giáp từ đường 329 tại khu 5 thị trấn đến đoạn cầu Nà Mò xã Đồn Đạc	2,64	+ 2015-2016: Ngầm hóa cáp thông tin; + 2017-2020: Ngầm hóa điện chiếu sáng, thoát nước